

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH LỚP 6 TRONG DẠY HỌC PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT THEO HƯỚNG TÍCH HỢP VÀ PHÂN HÓA

Phạm Thị Anh¹

TÓM TẮT

Phát triển năng lực ngôn ngữ là nhiệm vụ, là mục tiêu quan trọng trong dạy học Ngữ văn, không chỉ với thực hành tiếng Việt mà còn liên quan trực tiếp đến tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản. Đối với thực hành tiếng Việt trong Sách giáo khoa Ngữ văn 6, phát triển năng lực ngôn ngữ được cụ thể qua việc rèn luyện bốn kỹ năng: nghe, đọc, nói và viết. Để thực hiện có hiệu quả 4 kỹ năng này, giáo viên có thể sử dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp dạy học, theo quan điểm dạy học tích hợp và phân hóa. Điều quan trọng là tính linh hoạt, tính phù hợp khi sử dụng các hình thức, phương pháp dạy học này, căn cứ vào từng chủ đề, vào mục tiêu và nội dung cụ thể.

Từ khóa: *Năng lực ngôn ngữ, dạy học tích hợp và phân hóa, thực hành tiếng Việt.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nội dung dạy học Thực hành tiếng Việt trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn 6 hiện hành được xây dựng trên quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, trong đó hướng tới mục tiêu phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, trong đó chủ yếu là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Việc đổi mới trên là kết quả tất yếu của sự chuyển dịch từ quan điểm xem ngôn ngữ như một hệ hình cấu trúc sang quan điểm chú trọng ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp. Do đó, dạy học Thực hành tiếng Việt cũng sẽ thay đổi từ nội dung, cách thức tiếp cận đến kiểm tra - đánh giá, trong đó, hướng tích hợp và phân hóa được chú trọng. Bài viết của chúng tôi sẽ đề cập đến vấn đề trên, cụ thể là: xác định rõ cấu trúc của năng lực ngôn ngữ, xác định năng lực ngôn ngữ cần rèn luyện cho học sinh lớp 6 qua một chủ đề cụ thể theo Sách giáo khoa Ngữ văn 6, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* theo hướng tích hợp và phân hóa.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Năng lực ngôn ngữ; tích hợp và phân hóa trong dạy học Ngữ văn

2.1.1. Năng lực ngôn ngữ

Có nhiều cách diễn đạt khác nhau về năng lực ngôn ngữ. Nhưng, theo chúng tôi, năng lực ngôn ngữ được cụ thể hóa qua các phương diện sau:

Năng lực ngôn ngữ là một trong hai năng lực đặc thù của môn Ngữ văn, thuộc nhóm năng lực công cụ.

¹ Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức; Email: phamthianh@hdu.edu.vn

Năng lực ngôn ngữ là khả năng sử dụng tốt, có hiệu quả một ngôn ngữ phổ thông nào đó, tức là thể hiện ở khả năng sử dụng ngôn ngữ trong đời sống thực tế, đạt mục đích của quá trình giao tiếp. Năng lực ngôn ngữ được cụ thể qua việc sử dụng các kỹ năng nghe, đọc, viết, nói và nghe theo một yêu cầu nhất định, trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

Năng lực ngôn ngữ cơ bản được rèn luyện qua hoạt động giao tiếp, trong đó, đối với học sinh, môi trường phát triển năng lực ngôn ngữ cơ bản nhất là qua hoạt động học. Phát triển năng lực ngôn ngữ là cơ sở để rèn luyện năng lực giao tiếp. Điều đó có nghĩa là người dùng ngôn ngữ phải biết lựa chọn cách sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp, nhân vật giao tiếp, mục đích giao tiếp. Năng lực nói chung và năng lực ngôn ngữ nói riêng không phải tự nhiên mà có. Đó là kết quả của cả một quá trình rèn luyện, học tập và phát triển của mỗi cá nhân, và quan trọng là luôn gắn liền với một mục tiêu nhất định. “Năng lực ngôn ngữ là năng lực sử dụng tiếng nói và chữ viết trong giao tiếp, thể hiện ở các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây chính là biểu hiện rõ nhất của năng lực giao tiếp, một năng lực chung hết sức quan trọng đối với người học, năng lực công cụ” [5; tr.21].

Căn cứ vào mục tiêu dạy học, đối tượng tiếp cận, yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ của học sinh lớp 6, chúng tôi xác định cấu trúc của năng lực ngôn ngữ được biểu hiện qua các tiêu chí sau:

Đọc: Học sinh phải đọc đúng, đọc trôi chảy các kiểu loại văn bản liên quan đến chương trình Ngữ văn 6. Đọc, không chỉ đơn thuần là tri giác các ký tự ngôn ngữ mà quan trọng là hiểu được nghĩa của văn bản đó. Vì vậy, yêu cầu đọc với học sinh ở trường phổ thông (tùy từng cấp học, yêu cầu này có thể tăng hay giảm, phù hợp với đối tượng), đó là việc đọc và hiểu đúng các loại kiểu loại văn bản khác nhau: văn bản tự sự, văn bản miêu tả, văn bản biểu cảm, văn bản thuyết minh, văn bản nghị luận, văn bản điều hành. Tuy nhiên, cũng cần chú ý, đọc đối với năng lực ngôn ngữ ở bậc phổ thông, đặt ra yêu cầu học sinh phải biết cách chọn lựa các văn bản phù hợp với lứa tuổi của mình; biết cách phản biện về những văn bản đã đọc, từ đó có thói quen đọc mở rộng, nâng cao.

Viết: học sinh phải viết được các bài văn khác nhau có chủ đề, nội dung phù hợp với lứa tuổi phục vụ cho yêu cầu học tập và đời sống. Bài văn phải phải đạt các yêu cầu cơ bản, từ nội dung đến hình thức.

Nói: học sinh biết nói rõ ràng, mạch lạc về một vấn đề nào đó trong đời sống hoặc liên quan đến nội dung học tập. Biết trình bày, thuyết trình thuyết phục người khác; trong đó thể hiện được quan điểm cá nhân. Khi nói, cần biết sử dụng các yếu tố kết hợp để lời nói, ngôn ngữ nói thêm sinh động. Cũng cần phải chú ý đến việc nói đúng trọng tâm vấn đề, tránh cách nói sáo rỗng, vòng vo, tôn trọng quan điểm của người nghe, hoặc của đối tượng khác trong quá trình nói. Kỹ năng được quyết định bởi 3 yếu tố: cách phát âm, khả năng diễn đạt việc vận dụng kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

Nghe: học sinh hiểu được điều người khác muốn gửi gắm trong giao tiếp thông thường; biết cách chọn lựa các thông tin chính trong các cuộc đối thoại. Cụ thể: hiểu được lời của giáo viên khi giảng; biết cách trả lời các câu hỏi mà giáo viên đưa ra, phản ứng nhanh với các câu hỏi này. Cao hơn nữa, năng lực ngôn ngữ ở phương diện nghe còn gắn liền với việc hiểu được những thông tin hàm ẩn mà người nói vì một lý do nào đó, không tiện nói ra.

2.1.2. Tích hợp và phân hóa trong dạy học Ngữ văn

Tích hợp là vấn đề không mới. Tuy nhiên, tích hợp khi dạy học môn Ngữ văn 6 hiện nay có những yêu cầu cao hơn, phạm vi rộng hơn so với quan niệm trước đây. Tích hợp trong dạy học Ngữ văn 6, trước hết là tích hợp nội môn nhằm hướng tới 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Bên cạnh đó, còn phải chú ý đến tích hợp liên môn (Lịch sử và Địa lí, Giáo dục công dân, Mĩ thuật, Âm nhạc) và những nội dung giáo dục ưu tiên xuyên suốt trong chương trình giáo dục phổ thông (chủ quyền quốc gia, hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, giáo dục tài chính,...).

Mục đích chính của tích hợp trong Ngữ văn là hình thành và phát triển bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và năng lực phân tích, bình giá, cảm thụ văn học một cách chủ động, sáng tạo. Dựa trên một văn bản để dạy các kiến thức, kĩ năng của từng phân môn, giúp học sinh biết vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng của các phân môn vào việc giải mã và tạo lập văn bản.

Phân hóa là một quan điểm dạy, trong đó đặt ra yêu cầu phân loại và chia tách các đối tượng người học, từ đó thiết kế, tổ chức vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức dạy học sao cho phù hợp với đối tượng, nhằm đạt hiệu quả cao. “Dạy học phân hóa là định hướng trong đó giáo viên tổ chức dạy học tùy theo đối tượng, nhằm bảo đảm yêu cầu giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý, nhịp độ, khả năng, nhu cầu và hứng thú khác nhau của những người học; trên cơ sở đó phát triển tối đa tiềm năng vốn có của mỗi học sinh” [1].

2.2. Phần Thực hành tiếng Việt trong Sách giáo khoa Ngữ văn 6, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

Phần Thực hành tiếng Việt sắp xếp sau hoạt động đọc hiểu văn bản tạo cơ hội cho học sinh vận dụng các kiến thức tiếng Việt để nhận biết và phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó có thể đọc hiểu văn bản tốt hơn. Đồng thời, học sinh cũng có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt đó để viết, từ viết đoạn ngắn đến viết một văn bản trọn vẹn. Việc đặt phần Thực hành tiếng Việt ở cuối hoạt động đọc (có thể coi thuộc hoạt động đọc), tiếp theo đó là viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ văn bản đọc cho thấy rõ định hướng tổ chức dạy học tiếng Việt của Ngữ văn 6 nhất quán theo quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh (Teaching language in context) nhưng vẫn bảo đảm tính hệ thống tương đối của kiến thức ngôn ngữ.

Mục tiêu phần Thực hành tiếng Việt “là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một văn bản, từ đó học sinh có thể hiểu văn bản một cách sâu sắc hơn, và vận dụng để đọc những văn bản khác” [4; tr.22].

Như vậy, việc chọn các ngữ liệu để dạy các đơn vị kiến thức tiếng Việt, dù là ngữ liệu trong các văn bản đọc hiểu hay các ngữ liệu từ các nguồn khác, việc dạy học phần Thực hành tiếng Việt đều phải tuân thủ nguyên tắc dạy học ngôn ngữ gắn liền với ngữ cảnh. Bởi, chỉ trong ngữ cảnh, tức là trong hoạt động hành chức, các đơn vị ngôn ngữ mới bộc lộ tính chất, đặc điểm. Đây cũng là cách khắc phục tình trạng dạy học tiếng Việt thiên về cung cấp tri thức, hàn lâm, kinh điển.

Ví dụ:

Ở bài 2, *Gõ cửa trái tim*, sau phần Tri thức Ngữ văn, Tổ chức hoạt động đọc văn bản và Thực hành tiếng Việt, với 2 văn bản chính thuộc thể loại thơ (*Chuyện cổ tích về loài người* - Xuân Quỳnh; *Mây và sóng* - Tagor), và một văn bản phụ (*Bức tranh của em gái tôi* - Tạ Duy Anh). Học sinh sẽ tìm hiểu một số kiến thức về tiếng Việt: từ, nghĩa của từ, ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ... Các ngữ liệu dùng để dạy học những kiến thức tiếng Việt này được khai thác từ các văn bản đọc hiểu.

Chẳng hạn, trong bài *Chuyện cổ tích về loài người*, Xuân Quỳnh dùng các hình ảnh thiên nhiên: *cây, lá cỏ, hoa* (Vế A) để đem ra so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc* (vế B) để gợi lên những hình ảnh nhỏ xinh, gắn với thế giới con người.

Trong bài *Mây và sóng*, Tagor lại dùng các hình ảnh “mây” và “sóng”, ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, hấp dẫn; hoặc, mở ra thế giới xa xăm, huyền bí; hoặc, có thể đó còn là những ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời mà con người ta khó tránh được. Để rồi cuối cùng, em bé vẫn quyết định ở lại với mẹ, vì mẹ với em là cả thế giới tươi đẹp, không gì so sánh được.

Như vậy, kiến thức tiếng Việt trong phần Thực hành tiếng Việt được dùng để nghe, đọc hiểu văn bản; dùng để giao tiếp trực tiếp (nói) và làm bài tập (viết) theo từng chủ đề, từng nội dung học tập. Năng lực ngôn ngữ được hình thành, được củng cố và phát triển theo hướng tích hợp ở cả chiều rộng và chiều sâu (những kiến thức, kĩ năng, thái độ cần được dạy trong tất cả các môn học, bao gồm khả năng sử dụng ngôn ngữ, tình cảm với gia đình, quê hương, đất nước, những hiểu biết cơ bản về môi trường, khoa học, năng lực suy nghĩ và năng lực tìm tòi, nghiên cứu...).

2.3. Phát triển năng lực ngôn ngữ trong dạy học phần Thực hành tiếng Việt cho học sinh lớp 6 theo hướng tích hợp

Theo chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 6 hiện nay, Thực hành tiếng Việt không còn là phân môn độc lập mà được tích hợp chặt chẽ với Đọc hiểu, phục vụ trực tiếp cho đọc hiểu. Ngữ liệu được dùng để hình thành và luyện tập kiến thức về tiếng Việt chủ yếu được khai thác từ văn bản 1 và văn bản 2. Như vậy, để phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh, giáo viên cần căn cứ vào nội dung tiếng Việt cần rèn luyện cho học sinh để giải quyết các bài tập. Khi thực hiện tốt các bài tập này, học sinh không chỉ hiểu được bản chất của tri thức tiếng Việt trong ngữ cảnh mà còn hiểu sâu hơn giá trị của ngôn ngữ trong văn bản đọc hiểu. Vì thế, bài tập trở thành phương tiện hữu hiệu nhất để phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh, trong đó, các kĩ năng nghe, đọc, nói và viết được củng cố. Giáo viên có thể sử dụng bài tập trong sách giáo khoa, cũng có thể thiết kế thêm một số kiểu dạng bài tập phù hợp với đối tượng học sinh. Về nguyên tắc, các bài tập đều phải gắn với ngữ cảnh, hướng đến mục đích giao tiếp, phục vụ cho chủ đề bài dạy, phát triển các kĩ năng giao tiếp, đặc biệt là nói và viết.

Trong bài 2, *Gõ cửa trái tim*, với nội dung *nghĩa của từ*, có bài tập 1, a. Giải nghĩa của từ *nhô*. (Trong câu thơ: *Mặt trời mới nhô cao/ Cho trẻ con nhìn rõ*); b. Trong đoạn thơ trên, có thể dùng từ *lên* để thay thế cho từ *nhô* được không? Hãy chỉ ra sự tinh tế của nhà thơ trong việc sử dụng từ *nhô*.

Giáo viên cần sử dụng các câu hỏi để định hướng cho học sinh giải quyết được bài tập trên. Chẳng hạn: Từ *nhô* trong tiếng Việt thuộc từ loại gì? Em có thể giải nghĩa từ *nhô* bằng cách nào? Giữa từ *nhô* và từ *lên*, có điểm gì giống nhau? Tại sao trong câu thơ của Xuân

Quỳnh, tác giả lại dùng từ *nhô* mà không dùng từ *lên*? Em hãy diễn đạt theo cách cảm nhận của em về cái hay của câu thơ *Mặt trời mới nhô cao*?

Để học sinh thực hiện các câu hỏi - bài tập này, giáo viên có thể yêu cầu học sinh trả lời trực tiếp (yêu cầu: nói rõ ràng, mạch lạc, đúng nội dung câu hỏi), hoặc, theo hình thức phát phiếu học tập, trong đó chú trọng đến kỹ năng viết thành đoạn văn ngắn, thể hiện sự cảm nhận riêng của cá nhân về câu thơ của Xuân Quỳnh.

Các câu hỏi - bài tập trong phần Thực hành tiếng Việt vừa là ngữ liệu để phục vụ cho yêu cầu cần đạt của kiến thức tiếng Việt, vừa tác động trở lại với văn bản đọc hiểu, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng nghe, đọc. Từ đó, học sinh biết dùng ngôn ngữ trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình trước nhóm/ lớp, và cuối cùng là biết tạo lập văn bản theo yêu cầu của giáo viên.

2.4. Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học phần Thực hành tiếng Việt lớp 6 theo hướng phân hóa

Dạy học phân hóa yêu cầu giáo viên cần chú ý: phân hóa đối tượng học sinh, phân hóa nội dung kiến thức và kỹ năng phù hợp với đối tượng, phân hóa cách thức thực hiện, trong đó, có sự phân hóa mức độ câu hỏi - bài tập.

Về đối tượng học sinh, cần lưu ý đến năng lực ngôn ngữ của từng cá nhân. Bởi vì, có thể học sinh sẽ có ưu thế hơn ở một kỹ năng nào đó, chẳng hạn như kỹ năng đọc hoặc nói. Giáo viên nên có những bài tập phát triển được những kỹ năng chiếm ưu thế của học sinh, đồng thời cũng có những bài tập để phát triển các kỹ năng còn yếu của các em.

Để dạy học phân hóa đạt hiệu quả, trước hết, giáo viên cần có sự phân loại các câu hỏi - bài tập theo mức độ nhận thức từ dễ - khó. Về cơ bản, bài tập trong Thực hành tiếng Việt được phân thành các dạng sau: bài tập nhận biết; bài tập thông hiểu, bài tập so sánh; bài tập tạo lập, bài tập vận dụng. Có những loại câu hỏi - bài tập cùng cho tất cả các đối tượng học sinh, nhưng cũng có những câu hỏi - bài tập dành cho đối tượng học sinh khá, giỏi.

Ví dụ: Bài 4, *Quê hương yêu dấu* (Ngữ văn 6, tập 1), phần Thực hành tiếng Việt gồm hai đơn vị kiến thức cần hình thành, rèn luyện cho học sinh: từ đồng âm và từ đa nghĩa; hoán dụ.

Về từ đồng âm và từ đa nghĩa, có 5 bài tập. Trong số đó, bài tập 1, 2, 3 là những bài tập nhận diện - phân tích. Các bài tập này yêu cầu các em nhận diện và phân tích các từ đồng âm trong các bài ca dao về quê hương, đất nước, được khai thác từ các văn bản đọc hiểu. Các bài tập này phù hợp với mọi đối tượng học sinh. Nhưng các bài tập 4, 5 đều là những bài tập khó, yêu cầu học sinh phải có tư duy phán đoán, nhạy cảm về ngôn ngữ, biết cách phân biệt các từ đồng âm, phân biệt từ đồng âm với từ đa nghĩa trong các ngữ cảnh cụ thể.

Bài tập 4, Xác định từ *cổ* đa nghĩa và từ *cổ* đồng âm với từ đa nghĩa đó trong ba câu sau: a. Con cò có cái *cổ* cao. b. Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao *cổ*. c. Phố *cổ* tạo nên một vẻ đẹp riêng của Hà Nội.

Từ *cổ* trong câu a và câu b là từ đa nghĩa. Nghĩa của hai từ *cổ* trong hai câu trên có liên quan với nhau: ở câu a, *cổ* chỉ một bộ phận của cơ thể, nối đầu với thân; ở câu b *cổ* là chỗ eo lại ở phần đầu của một đồ vật, giống hình dạng cái *cổ*.

Từ *cổ* trong câu c và từ *cổ* trong câu a, b là từ đồng âm. Bởi vì, từ *cổ* trong câu Phố *cổ* tạo nên một vẻ đẹp riêng của Hà Nội, *cổ* có nghĩa là cổ kính, là xưa, không liên quan gì đến nghĩa của từ *cổ* ở hai câu trên.

Bài tập này khó ở chỗ: học sinh phải hiểu được nghĩa của từ *cổ* ở các ví dụ; phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa các từ *cổ* trong các ví dụ, trong đó, có cả những từ Hán Việt. Vì vậy, bài tập này sẽ rất khó với những học sinh có mức độ học lực trung bình. Phải là những học sinh giỏi mới có thể giải quyết được bài tập này. Giáo viên sẽ yêu cầu cả lớp làm bài tập, chọn những học sinh khá, giỏi nêu phương án làm bài, sau đó hướng dẫn, giảng giải một lần nữa để các em hiểu được: từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì với nhau. Còn từ đa nghĩa là những từ có nhiều nghĩa và các nghĩa khác nhau của một từ lại có liên quan với nhau.

Các loại bài tập cũng cần có sự phân hóa trong cách thức thực hiện: cá nhân, nhóm, lớp. Trong các ví dụ trên, bài tập 1, 2, 3 giáo viên yêu cầu học sinh làm bài độc lập. Còn bài tập 4, 5, giáo viên có thể cho các em thảo luận nhóm, sau đó các nhóm nêu phương án của nhóm mình. Giáo viên cho các nhóm tự nhận xét, đánh giá, cho điểm theo các mức độ khác nhau. Như vậy, tự các em sẽ rèn luyện được các kỹ năng nghe (ý kiến của các thành viên trong và ngoài nhóm); đọc (các ngữ liệu), nói (thuyết trình về cách làm và kết quả của nhóm), viết (trình bày bảng, trình bày bài tập của nhóm trên Phiếu bài tập).

Như vậy, dạy học phân hóa yêu cầu giáo viên phải nắm rõ đối tượng học sinh, có sự phân chia kiến thức và kỹ năng cụ thể, phù hợp với từng đối tượng; phải linh hoạt trong kiểm tra - đánh giá. Đối với phần Thực hành tiếng Việt, việc thiết kế các câu hỏi - bài tập chính là cơ sở để thực hiện dạy học phân hóa đạt hiệu quả.

3. KẾT LUẬN

Phát triển năng lực ngôn ngữ là nhiệm vụ, là mục tiêu quan trọng trong dạy học Ngữ văn, không chỉ với Thực hành tiếng Việt mà còn liên quan trực tiếp đến tiếp nhận và tạo lập văn bản. Đối với phần Thực hành tiếng Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, phát triển năng lực ngôn ngữ được cụ thể qua việc rèn luyện bốn kỹ năng: nghe, đọc, nói và viết. Để thực hiện có hiệu quả 4 kỹ năng này, giáo viên có thể sử dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp dạy học, trong đó có quan điểm dạy học tích hợp và phân hóa. Điều quan trọng là tính linh hoạt, tính phù hợp khi sử dụng các hình thức, phương pháp dạy học này, căn cứ vào từng chủ đề, vào mục tiêu và nội dung cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Ngữ văn 6, tập 1*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Ngữ văn 6, tập 2*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Ngữ văn 6 (Sách giáo viên), tập 1*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Ngữ văn 6 (Sách giáo viên), tập 2*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

**DEVELOPING LANGUAGE PROFICIENCY FOR SIXTH GRADE
STUDENTS WHEN TEACHING “VIETNAMESE PRACTICE”
BY INTEGRATION AND DIFFERENTIATION METHOD**

Pham Thi Anh

ABSTRACT

Language proficiency development is an important task and goal in teaching literature, not only with Vietnamese practice but also directly related to the reception and creation of texts. For Vietnamese practice in Textbook of Literature for Sixth Grade, language proficiency development is specified through the practice of four skills: listening, reading, speaking and writing. To effectively implement these four skills, teachers can flexibly use teaching modes and methods, including integrated and differentiated teaching perspectives. It is important to be flexible and appropriate when using these teaching methods and modes, based on each topic, specific goals and content.

Keywords: *Language proficiency competence, integrated and differentiated teaching, Vietnamese practice.*

** Ngày nộp bài: 18/3/2022; Ngày gửi phản biện: 18/3/2022; Ngày duyệt đăng: 12/4/2022*